TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -PH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:155/2026/QĐST-HNGĐ	*Ph, ngày 21 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:156/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mai L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, tỉnh Ph.

Bị đơn: Anh Phan Văn Kh, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, tỉnh Ph.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 07 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đỗ Thị Mai L và anh Phan Văn Kh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Đỗ Thị Mai L và anh Phan Văn Kh đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Tường V sinh ngày 21/7/2016 và cháu Phan Đăng Kh sinh ngày 13/5/2023.

Khi ly hôn chị L và anh Kh thống nhất thỏa thuận: chị Đỗ Thị Mai L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Phan Tường V sinh ngày 21/7/2016 và cháu Phan Đăng Kh sinh ngày 13/5/2023. Anh Phan Văn Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị Mai L và anh Phan Văn Kh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Chị Đỗ Thị Mai L và anh Phan Văn Kh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (ba trăm

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E 0004032 ngày 06/5/2026 nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ph.

Hoàn trả lại cho chị L 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 – Ph;
- THADS tỉnh Ph;
- UBND xã H, tỉnh Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Th